

Số: 04 /2015/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ **hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công)**

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 11-02-2015

CÔNG VĂN ĐẾN số: 395

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 46 /2012/TT-BCT của Bộ Công Thương về Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 28/12/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT/BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ Tài chính - Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 47/TTr-SCT ngày 29/12/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công), như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, như sau:

“Quỹ khuyến công được thành lập để tiếp nhận các nguồn hỗ trợ của ngân sách Nhà nước và các tổ chức, cá nhân nhằm khuyến khích đầu tư cho phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh”.

2. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“*Quỹ khuyến công là nguồn kinh phí dùng để thực hiện Chương trình khuyến công của tỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT/BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia, kinh phí khuyến công địa phương và thực hiện chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“*Hồ sơ được lập thành 05 bộ gửi Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, như sau:*

1. Thành phần hồ sơ chung

1.1. *Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công của tổ chức, cá nhân thụ hưởng, trong đó có cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án khuyến công (nếu tổng kinh phí thực hiện đề án lớn hơn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ khuyến công) và chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước để thực hiện đề án khuyến công.*

1.2. *Đề án khuyến công (có nội dung phù hợp với Chương trình khuyến công của tỉnh).*

2. Tài liệu gửi kèm đề án:

Đối với từng nội dung khuyến công cụ thể tài liệu gửi kèm thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

3. Thời gian nhận và trả hồ sơ

3.1. Tiếp nhận hồ sơ

Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập, nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Tuyên Quang.

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Tuyên Quang có trách nhiệm phân công cán bộ tiếp nhận hồ sơ.

3.2. Thời gian nhận, trả hồ sơ

Trong giờ hành chính, trừ những ngày nghỉ theo quy định. Sau 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, bên nhận hồ sơ sẽ thông báo cho bên nộp hồ sơ về hồ sơ hợp lệ hoặc hồ sơ không hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, bên nhận hồ sơ trả lại và hướng dẫn bên nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp sau 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 7, như sau:

“1. Lập dự toán, xét duyệt hồ sơ

Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công của các đơn vị, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày kết thúc tiếp nhận hồ sơ (vào ngày cuối quý I, quý II, quý III hàng năm), Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổng hợp, lập dự toán kinh phí hỗ trợ; gửi Sở Công Thương thẩm định.

Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước và tình hình thực tế của tỉnh, lựa chọn các đề án khuyến công phù hợp với nhiệm vụ khuyến công của địa phương, tổ chức thẩm định; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí cụ thể từng đề án.

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cấp kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Công Thương”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1,2,4 Điều 9, như sau:

“1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh; quản lý, giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí khuyến công; tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến việc sử dụng Quỹ khuyến công đảm bảo có hiệu quả; tổng hợp, báo cáo hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện khuyến công trên địa bàn quản lý.

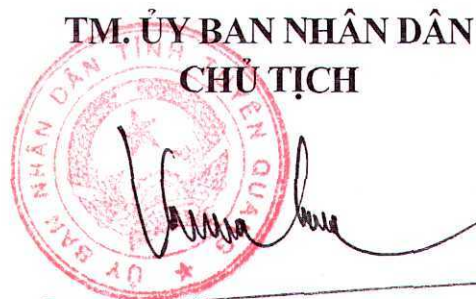
4. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ khuyến công có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế này.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Như điều 2 (thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang, Đài PT&TH tỉnh;
- Chuyên viên: CN, TC, CB;
- Lưu VT.



Châu Văn Lâm